

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Số: 07 /2023/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày 14 tháng 6 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức chi thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK KHÓA X, KỶ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Xét Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức chi thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 47/BC-HĐND ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định về nội dung, mức chi thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú.

2. Những nội dung, mức chi không được quy định tại Nghị quyết của HĐND tỉnh thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy. Trong trường hợp có sự sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản thay thế Thông tư số 62/2022/TT-BTC hoặc các văn bản được dẫn chiếu tại Thông tư số 62/2022/TT-BTC có sự sửa đổi, bổ sung, ban hành mới thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, ban hành mới đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, người nghiện ma túy trong thời gian chờ lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và các cơ sở cai nghiện ma túy.

3. Người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc, công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú.

Điều 3. Nội dung, mức chi thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú

1. Nội dung, mức chi thực hiện chế độ đối với người cai nghiện bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc.

a) Định mức tiền ăn hàng tháng của người cai nghiện bằng 0,8 (không phải tám) lần mức lương cơ sở hiện hành. Ngày lễ, Tết dương lịch người cai nghiện được ăn thêm bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán người cai nghiện được ăn thêm bằng 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn đối với người cai nghiện bị ốm do Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định theo chỉ định của nhân viên y tế điều trị bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

b) Định mức tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh (đối với người cai nghiện là nữ) hàng năm của người cai nghiện bằng 0,9 (không phải chín) lần mức lương cơ sở hiện hành.

c) Chi tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác ngoài thời gian học tập và lao động; mức chi: 150.000 đồng/người cai nghiện bắt buộc/năm.

d) Cấp cho người cai nghiện bắt buộc khi chấp hành xong quyết định trở về địa phương nơi cư trú 01 (một) bộ quần áo mùa hè hoặc mùa đông (nếu họ không có), mức chi tối đa: 600.000 đồng/bộ quần áo mùa hè, 800.000 đồng/bộ quần áo mùa đông.

2. Nội dung, mức chi công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú.

a) Chi thù lao hàng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; mức chi: bằng 0,5 (không phải năm) lần mức lương cơ sở hiện hành.

b) Chi hỗ trợ tiền ăn, quần áo, chăn, màn, chiếu, gối, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh (đối với người cai nghiện tự nguyện là nữ) đối với người cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện công lập; mức chi: bằng 70% mức hỗ trợ đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

c) Chi hỗ trợ chỗ ở cho người nghiện ma túy tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện (đảm bảo thời gian cai nghiện ma túy, quy trình cai nghiện tại khoản 1, Khoản 2 Điều 31 của Luật phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14 ngày 30/3/2021); mức chi: bằng 0,8 (không phải tám) lần mức lương cơ sở hiện hành.

d) Chi hỗ trợ hàng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; mức chi: bằng 0,5 (không phải năm) lần mức lương cơ sở hiện hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, kỳ họp Chuyên đề lần thứ Chín thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2023, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 6 năm 2023.

2. Thay thế Nghị quyết số 08/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định mức đóng góp; chế độ miễn, giảm chi phí đối với người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định các khoản đóng góp, chế độ hỗ trợ đối với

người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập được lựa chọn thí điểm đến năm 2020, tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

3. Bãi bỏ Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của UBND tỉnh Quy định về số lượng, mức hỗ trợ cho cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện ma túy tại gia đình và cai nghiện ma túy tại cộng đồng thuộc các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ LĐTB&XH;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- UB MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- TT HĐND, UBND xã, phường, thị trấn (UBND cấp huyện sao gửi);
- Đài PTTH tỉnh, Báo Đắk Lắk, TT Công nghệ và Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.



Huỳnh Thị Chiến Hòa

